

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày : 3-5-2019.

V/v: “ Không công nhận quan hệ vợ chồng ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Quý.

- Ông Phạm Tiến Lợi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về: *Không công nhận quan hệ vợ chồng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-ST ngày 12/04/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lại Thị H** sinh năm 1970 trú tại số x tổ y khu C, TT X, huyện Chương Mỹ.(Có mặt)

- **Bị đơn** Ông Đặng Trần T sinh năm 1960. (Vắng mặt).

HKTT: Thôn X, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú: C, xã N, huyện C, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Lại Thị H trình bày: Khoảng năm 1991 -1992 khi đó ông Đặng Trần T là bộ đội đóng quân tại thị trấn Xuân Mai tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng bà sống vui vẻ hạnh phúc tại nhà của bố mẹ

bà tại thị trấn X và sinh được hai con chung. Năm 1997 thì mâu thuẫn do không hợp nhau vợ chồng bà sống ly thân, ông T ở tại đơn vị bộ đội ở Xuân Mai, sau đó ông T mua nhà ở riêng tại Xóm Đông, thôn Chúc Lý, xã Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm, không liên lạc với nhau.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn vợ chồng không có trách nhiệm nghĩa vụ với nhau đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: vợ chồng bà có 2 con chung là Đặng Thị Tuyết Mai sinh ngày 7/11/1991 và Đặng Trần Cường sinh ngày 18/3/1995 hiện đang ở cùng bà đã trưởng thành không phải giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Đặng Trần T trình bày: Ông quê ở phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ông thừa nhận khoảng năm 1994 ông là bộ đội đóng quân tại thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, ông và bà H tìm hiểu chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn không sống không ăn ở chung cùng nhau cho đến nay, ông ở tại đơn vị đóng quân tại thị trấn Xuân Mai. Nay bà H làm đơn đề nghị không công nhận là vợ chồng ông đồng ý, do công việc ông không đến Tòa ông có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: vợ chồng có 2 con chung là Đặng Thị Tuyết M sinh ngày 7/11/1991 và Đặng Trần C sinh ngày 18/3/1995 hiện đang ở cùng bà H, hai con đã trưởng thành không phải giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn Không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về quyền nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử không công nhận bà Lại Thị H và ông Đặng Trần T là vợ chồng .

Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: bà H và ông T đều thừa nhận chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, từ năm 1997 cho đến nay vợ chồng không chung sống với nhau. Vợ chồng có 2 con chung đã đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Đặng Trần T và bà Lại Thị H có đơn thỏa thuận Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xử vắng mặt vì vậy Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lại Thị H và ông Đặng Trần T nguyên tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 sinh được hai con chung đã đăng ký khai sinh tên cha mẹ là tên ông Đặng Trần T và Lại Thị H , thời điểm này ông T và bà H đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã, phường thị trấn nơi cư trú. Đến thời điểm hiện nay ông T và bà H vẫn chưa đăng ký kết hôn. Việc ông T và bà H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, là trái với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy không công nhận quan hệ giữa bà Lại Thị H và ông Đặng Trần T là vợ chồng.

[3]. Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ chung sống vợ chồng có 2 con chung là Đặng Thị Tuyết M sinh ngày 7/11/1991 và Đặng Trần C sinh ngày 18/3/1995 đăng ký khai sinh tên cha mẹ của 2 con là tên ông Đặng Trần T và Lại Thị H nhưng hiện tại hai con đã trên 18 tuổi nên không phải giải quyết .

[4]. Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

[5]. Về án phí: bà H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 28,35,39, 40, 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5, Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lại Thị H và ông Đặng Trần T là vợ chồng.

3. Về án phí: bà H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/ 0003914 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp.Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Chương Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Chương Mỹ;
- UBND TT X
- Lưu: Hồ sơ vụ án/ Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Thị Thu Thủy